

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và cả năm 2024 tỉnh Hải Dương

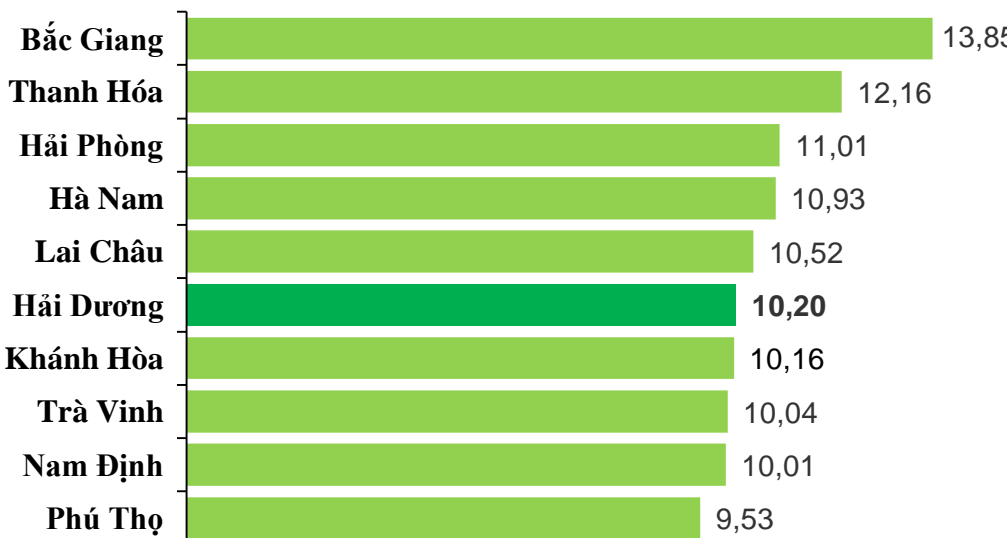
Năm 2024 là năm bứt phá để hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Bên cạnh những thuận lợi, còn không ít những khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như chiến tranh giữa Nga và Ukraina, những bất ổn về điều kiện thiên, đặc biệt là phải gánh chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão số 03 (siêu bão Yagi), để lại nhiều hậu quả nặng nề, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Nhưng nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, cùng với sự nỗ lực cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh với sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ của Tỉnh ủy, HĐND và UBND, đặc biệt việc tập trung tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nên tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được kết quả khá dự kiến có 13/15 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

## I. KINH TẾ

### 1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

Tăng trưởng kinh tế tỉnh Hải Dương năm 2024 ước đạt 10,2%; cao thứ 6/63 cả nước và thứ 3/11 Vùng Đồng bằng sông Hồng (sau Hải Phòng 11,01%; Hà Nam 10,93%).

TĂNG TRƯỞNG KINH NĂM 2024  
CỦA 10 TỈNH, THÀNH PHỐ ĐÚNG ĐẦU CẢ NƯỚC (%)



Quy mô kinh tế của Tỉnh ước đạt 212.386 tỷ đồng, tiếp tục đứng thứ 11 cả nước. GRDP bình quân đầu người của tỉnh ước đạt 107,4 triệu đồng/người (tương ứng 4.456 USD/người); đứng thứ 8/11 Vùng Đồng bằng sông Hồng.

### 1.1 Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng của Tỉnh bứt phá mạnh mẽ trong quý IV (tăng 11,66%) nhờ hoạt động sản xuất, kinh doanh, giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh có nhiều khởi sắc; tăng trưởng và đóng góp cụ thể của các quý như sau:

- Quý I tăng 10,19%; đóng góp 2,34 điểm% vào tăng trưởng của năm;
- Quý II tăng 9,66%; đóng góp 2,39 điểm% vào tăng trưởng của năm;
- Quý III tăng 9,07%; đóng góp 2,21 điểm% vào tăng trưởng của năm;
- Quý IV tăng 11,66%; đóng góp 3,26 điểm% vào tăng trưởng của năm.

Đóng góp vào tăng trưởng chung 10,20%, nhóm ngành NLTS đóng góp 0,20 điểm%; công nghiệp, xây dựng đóng góp 7,21 điểm% (trong đó, công nghiệp đóng góp 6,67 điểm%, xây dựng đóng góp 0,53 điểm%); dịch vụ đóng góp 1,98 điểm%; thuế và trợ cấp sản phẩm đóng góp 0,81 điểm%; cụ thể:

- Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 2,06%; trong đó, ngành nông nghiệp tăng 1,21% tương đương tăng 104 tỷ đồng; ngành thủy sản tăng 6,15% tương đương tăng 100 tỷ đồng; riêng hoạt động dịch vụ nông nghiệp và lâm nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ nên ít tác động đến tăng trưởng của ngành;

**Bảng 1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2024**

	Quy mô GRDP (Tỷ đồng)	Cơ cấu GRDP (%)	Tốc độ phát triển so với CK (%)	Đóng góp vào mức tăng trưởng chung (điểm%)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>212.386</b>	<b>100,0</b>	<b>10,20</b>	<b>10,20</b>
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	17.582	8,3	2,06	0,20
Công nghiệp - Xây dựng	120.384	56,7	13,14	7,21
- Công nghiệp	110.727	52,1	13,41	6,67
- Xây dựng	9.657	4,6	10,48	0,53
Dịch vụ	55.983	26,3	7,52	1,98
Thuế và trợ cấp sản phẩm	18.437	8,7	8,81	0,81

- Ngành công nghiệp, xây dựng tăng 13,14%, đóng góp 7,21 điểm% vào tăng trưởng. Sản xuất công nghiệp phục hồi mạnh mẽ trong quý IV, tình hình sản xuất, kinh doanh có nhiều dấu hiệu tích cực hơn. Xây dựng ngoài nhu cầu sửa chữa các công trình sau bão, việc thu hút đầu tư và quyết tâm giải ngân vốn đầu tư công sẽ giúp tăng trưởng ngành xây dựng duy trì mức tăng khá;

- Ngành dịch vụ tăng 7,52% đóng góp 1,98 điểm% vào tăng trưởng; nguyên nhân chủ yếu các ngành dịch vụ có khởi sắc hơn do hoạt động tiêu dùng dân cư cuối năm tăng và dịch vụ phục sản xuất có xu hướng tăng trở lại. Các ngành dịch vụ như nghệ thuật, vui chơi và giải trí (+14,3%), vận tải kho bãi (+12,1%), lưu trú, ăn uống (+10,8%), thương mại bán lẻ (+8,5%), tài chính ngân hàng bảo hiểm (+7,2%) là những điểm sáng tích cực giúp khu vực dịch vụ tiếp tục tăng trưởng.

**\* Một số điểm sáng tăng trưởng trong năm 2024 như sau:**

- Trong nông, lâm nghiệp và thủy sản: Trong năm 2024, chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Hải Dương phát triển khá, là động lực chủ yếu trong tăng trưởng lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh. Đã hình thành nhiều cơ sở chăn nuôi theo mô hình công nghiệp hiện đại, trang trại quy mô lớn; chăn nuôi khép kín áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong vận hành, quản lý đàn vật nuôi; các mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất thức ăn dạng lỏng cho lợn; mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học và bảo vệ môi trường. GRDP ngành chăn nuôi năm 2024 ước tăng trên 6,8% và đóng góp 0,19 điểm % tăng GRDP chung.

- Trong công nghiệp: công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục là điểm sáng khi có tăng trưởng của ngành này ước đạt 14,17% (tăng cao hơn tốc độ của 2023 là 5,47%), đóng góp 5,88 điểm % tăng GRDP chung, trong đó ngành sản xuất ô tô và phụ tùng ô tô là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong ngành chế biến chế tạo duy trì tăng trưởng cao, ổn định trong cả năm 2024 đã đóng góp khoảng 1,07 điểm% tăng GRDP.

Ngoài ra, các ngành như chế biến thực phẩm; sản xuất trang phục; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị cũng giữ tăng trưởng ổn định trong cả năm 2024 và đóng góp khoảng 2,6 điểm% tăng GRDP.

- Hoạt động xây dựng ngoài nhu cầu sửa chữa các công trình sau bão, việc thu hút đầu tư và quyết tâm giải ngân vốn đầu tư công sẽ giúp tăng trưởng ngành xây dựng năm 2024 duy trì mức tăng khá (+10,48%) và đóng góp khoảng 0,53 điểm% tăng GRDP.

- Về dịch vụ: Tiêu dùng dân cư duy trì mức tăng khá, trong đó hoạt động thương mại ít chịu ảnh hưởng, do mưa bão không làm đứt gãy chuỗi cung ứng, hoạt động thương mại tăng trên 8%, vận tải trên 12% và đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng chung so với các ngành dịch vụ khác (+1,06 điểm% tăng GRDP).

## 1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng: Khu vực 1 tiếp tục giảm, khu vực 2 tăng; tuy nhiên, tỷ trọng khu vực 3 vẫn có xu hướng giảm cho thấy nền kinh tế trong tỉnh vẫn đang trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá, kinh tế dịch vụ vẫn còn nhiều dư địa để phát triển trong các năm tiếp theo.

Cơ cấu kinh tế khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm so với năm trước, do đặc thù có tăng trưởng thấp vì hạn chế về khả năng sinh trưởng cây trồng, vật nuôi và quỹ đất giảm; tăng trưởng công nghiệp khá cao nên chuyển dịch nhanh; dịch vụ cũng chuyển dịch chậm vì tăng trưởng thấp hơn (hoặc tương đương) tăng trưởng của cả nền kinh tế. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế vẫn chủ yếu theo hướng giảm tỷ trọng các ngành NLTS, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng, phù hợp với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cụ thể, năm 2024, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ chiếm 83,0% GRDP, trong khi năm 2023 chiếm 82,6%.

**Bảng 2. Cơ cấu phân theo ngành kinh tế trên địa bàn**

*Đơn vị tính: %*

	2022	2023	2024
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	9,0	8,6	8,3
Công nghiệp, xây dựng	56,3	56,1	56,7
<i>Tr.đó: Công nghiệp</i>	51,7	51,5	52,1
Dịch vụ	26,2	26,5	26,3
Thuế và trợ cấp sản phẩm	8,5	8,8	8,7

*Về cơ cấu kinh tế theo loại hình kinh tế:* Tăng trưởng của tỉnh vẫn chủ yếu dựa vào khu vực vốn đầu tư nước ngoài do các dự án FDI có lợi thế về vốn, trang thiết bị máy móc hiện đại, công nghệ tiên tiến và có sẵn chuỗi cung ứng – tiêu thụ sản phẩm ở quy mô lớn. Lũy kế trên địa bàn tỉnh hiện có 605 dự án đầu tư nước ngoài đến từ 27 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đăng ký 11.278,5 triệu USD.

Khu vực Nhà nước chiếm tỷ trọng khá thấp (dưới 8,0%) và có xu hướng giảm do: (1) Doanh nghiệp nhà nước không được đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất hiện có; (2) Khu vực hành chính, sự nghiệp nhà nước thắt chặt chi tiêu thường xuyên.

Khu vực ngoài nhà nước có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Đóng góp khu vực ngoài nhà nước ổn định trong thời gian qua, nhưng vẫn chưa tương xứng với kỳ vọng và tiềm năng hiện có; tỷ trọng đóng góp chiếm trên 50,0%.

## 2. Tài chính, ngân hàng

### 2.1. Thu, chi ngân sách Nhà nước

*Tổng thu ngân sách nhà nước* đến ngày 31/12/2024 ước đạt 30.774 tỷ đồng; bằng 138,0% so với năm trước, trong đó:

- Thu nội địa: Ước đạt 26.154 tỷ đồng, bằng 136,1% so với thực hiện năm trước;
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: Ước đạt 4.371 tỷ đồng, bằng 146,1% so với thực hiện năm trước.

*Tổng chi ngân sách nhà nước* đến ngày 31/12/2024 ước đạt: 25.569 tỷ đồng, bằng 118,2% so với cùng kỳ, chủ yếu tăng chi do thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ phát sinh trong năm và kinh phí bổ sung thực hiện cải cách tiền lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; Nghị định 75/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Chi đầu tư phát triển ước đạt 10.750 tỷ đồng, bằng 134,5% so với cùng kỳ, chủ yếu đảm bảo từ nguồn thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và từ nguồn bội chi ngân sách.

Chi thường xuyên ước đạt 14.769 tỷ đồng, bằng 110,3% so với cùng kỳ, chủ yếu tăng do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; Nghị định 75/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

### 2.2. Hoạt động tín dụng, ngân hàng

Hoạt động ngân hàng trên địa bàn ổn định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu dịch vụ của các tổ chức, cá nhân; tín dụng tiếp tục tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, sản xuất kinh doanh và các ngành kinh tế động lực tăng trưởng; kiểm soát chặt chẽ đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; mặt bằng lãi suất giảm so với cuối năm 2023; triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng, các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng; chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt tiếp tục được đẩy mạnh. Đến ngày 31/12/2024, ước tổng nguồn vốn huy động đạt 211.278 tỷ đồng, tăng 8%; tổng dư nợ tín dụng đạt 148.723 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2023; nợ xấu nội bảng chiếm 0,79% tổng dư nợ tín dụng.

## 3. Chỉ số giá

*Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)* tháng 12 giảm 0,14% so với tháng trước; tăng 3,95% so với tháng 12 năm trước; bình quân cả năm 2024 tăng 3,35% so với bình quân cùng kỳ. CPI tăng trong năm 2024 chủ yếu do:

- Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 9,72%, tác động làm cho CPI chung tăng 1,75 điểm %, trong đó, nhà ở tăng 11,31%, tác động làm cho CPI chung tăng 1,38 điểm %; giá điện sinh hoạt tăng 7,86%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,27 điểm %; ga và các loại chất đốt khác tăng 7,41%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,10 điểm %.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,59%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,61 điểm phần trăm, trong đó, dịch vụ y tế tăng 9,09%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,57 điểm %; thuốc và thiết bị y tế tăng 2,67%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,04 điểm %.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,30%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,20 điểm %, trong đó, bảo hiểm y tế tăng 25,32%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,14 điểm %; dịch vụ hiếu, hỷ tăng 3,42%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,04 điểm %.

- Ở chiều ngược lại một số nhóm hàng giảm như: (1) Nhóm hàng may mặc, mũ nón và giày dép giảm 0,60%, tác động làm cho CPI chung giảm 0,03 điểm %, trong đó, hàng may sẵn giảm 0,65%, tác động làm cho CPI chung giảm 0,02 điểm %; giày dép giảm 0,83%, tác động làm cho CPI chung giảm 0,01 điểm %; (2) Nhóm giao thông giảm 0,63%, tác động làm cho CPI chung giảm 0,07 điểm %. (3) Nhóm hàng bưu chính viễn thông giảm 0,30%, tác động làm cho CPI chung giảm 0,01 điểm %.

*Giá vàng* tháng 12 giảm theo giá vàng thế giới, chỉ số giá vàng giảm 1,72% so tháng trước; tăng 36,92% so với cùng kỳ năm 2023; bình quân năm 2024 tăng 31,89%. Tính đến ngày 24/12/2024, bình quân giá vàng là 8.466 ngàn đồng/1 chỉ, giảm 148 ngàn đồng/1 chỉ so với tháng trước. Hiện nay, giá vàng có giá phổ biến ở mức từ 8.441 - 8.8491 ngàn đồng/chỉ.

*Chỉ số giá Đô la Mỹ* tháng 12 tăng 0,04% so với tháng trước; tăng 4,18% so với cùng kỳ năm 2023; bình quân năm 2024 tăng 4,85% so với cùng kỳ năm trước. Giá bình quân của Đô la Mỹ loại tờ (50 - 100 USD) tháng 12 là 2.548.835 đồng/100USD, tăng 1.076 đồng/100USD so với tháng trước. Hiện nay, giá Đô la Mỹ trên thị trường Hải Dương đang có mức giá giao động từ 2.548.810 - 2.548.860 đồng/100USD.

*Chỉ số giá sản xuất* sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý IV tăng 8,62% so với cùng kỳ năm trước; tính chung năm 2024 tăng 7,10% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý IV giảm 2,90% so với cùng kỳ; tính chung năm 2024 giảm 2,80%.

Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho xây dựng quý IV tăng 1,32% so với cùng kỳ; tính chung năm 2024 tăng 1,66%.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý IV tăng 1,92% so với cùng kỳ; tính chung năm 2024 tăng 4,66%; chỉ số giá cước vận tải, kho bãi tăng 2,74% và tăng 3,06%.

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hoá theo USD quý IV tăng 4,59% so với cùng kỳ năm trước, tính chung năm 2024 tăng 1,15% so với cùng kỳ; chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá theo USD quý IV giảm 1,28% và tính chung năm 2024 giảm 1,94%.

## **4. Hoạt động đầu tư, xây dựng**

### *4.1. Xây dựng*

Năm 2024, quy mô ngành xây dựng (giá trị tăng thêm theo giá hiện hành) ước đạt 9.657 tỷ đồng.

Trong năm, tỉnh Hải Dương đã tập trung nguồn vốn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng, nhất là hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Phúc Điền mở rộng, Gia Lộc, Đại An mở rộng - giai đoạn 2, Tân Trường mở rộng, Kim Thành, Lương Điền - Ngọc Liên; hạ tầng giao thông kết nối trong tỉnh, kết nối liên vùng như: đường trục Đông – tây; Nam – Bắc...

Một số dự án công trình xây dựng có tổng mức vốn đầu tư lớn đang triển khai xây dựng trên địa bàn tỉnh như: Dự án nhà máy sản xuất văn phòng phẩm của Công ty hữu hạn tập đoàn Deli; dự án Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật năng lượng mặt trời BOVIET; dự án của Biel Crystal Private Limited; dự án Trung tâm Thương mại Hải Dương (Trung tâm Thương mại AEON Hải Dương); Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện xây dựng nhiều công trình trọng điểm như: Đường vành đai 2; Xây dựng đường nối cầu vượt sông Kinh Môn với đường tỉnh 389B; Thi công xây dựng công trình đê điều thuộc địa bàn thị xã Kinh Môn; xây dựng nhà xưởng KCN Đại An; Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 392B đoạn Km0+000-Km1+700 (từ ngã ba Trương đến cầu vào Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện); Xây dựng đường tránh đường tỉnh 391 đoạn qua địa bàn thị trấn Tứ Kỳ; nhà thể thao đa năng huyện Nam Sách...

Giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành quý IV năm 2024 của tỉnh Hải Dương ước đạt 12.313 tỷ đồng, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: công trình xây dựng nhà ở ước đạt 4.629 tỷ đồng, tăng 14,4%; công trình xây dựng nhà không ở ước đạt 3.493 tỷ đồng, tăng 16,8%; công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng ước đạt 2.830 tỷ đồng, tăng 18,9%; công trình xây dựng chuyên dụng ước đạt 1.361 tỷ đồng, tăng 20,5%.

Tính chung cả năm 2024, giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành ước đạt 38.970 tỷ đồng, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó : công trình nhà ở ước đạt 16.374 tỷ đồng, tăng 3,6%; công trình nhà không ở ước đạt 10.594 tỷ đồng, tăng 22,7%; công trình kỹ thuật dân dụng ước đạt 8.080 tỷ đồng, tăng 16,5%; công trình xây dựng chuyên dụng ước đạt 3.922 tỷ đồng, tăng 22,5%.

Xác định, hạ tầng giao thông là nền tảng góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng bền vững, Hải Dương đã quyết liệt triển khai các dự án giao thông, nhất là công trình giao thông trọng điểm, quan trọng nối liên vùng hoàn thành mở rộng không gian phát triển mới. Thời gian qua, bên cạnh các tuyến đường đã hoàn thiện như: Quốc lộ 5, đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, đường trục Bắc – Nam, Quốc lộ 38, Quốc lộ 37... Hải Dương đang hoàn thiện đường trục Đông – Tây, các tuyến đường cầu

kết nối ngoại tỉnh với Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Yên... mở ra nhiều kỳ vọng lớn về phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, năm 2024, tỉnh tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư, xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thứ cấp triển khai thực hiện, sớm đưa dự án sản xuất kinh doanh đi vào hoạt động hiệu quả. Đến nay, Hải Dương đã thành lập được 17 khu công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy trung bình 59,5%.

#### *4.2. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước*

Công tác chỉ đạo, điều hành kế hoạch đầu tư công được quyết liệt triển khai thực hiện; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn đôn đốc hoàn thiện các thủ tục đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dự án và kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công. Năm 2024, giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hải Dương vượt kế hoạch giao.

Dự ước tháng 12 năm 2024, tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đạt 1.859,6 tỷ đồng, tăng 42,9% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 1.159,3 tỷ đồng, tăng 46,8%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 648,3 tỷ đồng, tăng 38,7%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 51,0 tỷ đồng, tăng 16,9%.

Ước tính quý IV năm 2024, tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đạt 3.929,3 tỷ đồng, tăng 37,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 2.441,1 tỷ đồng, tăng 42,9%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 1.362,8 tỷ đồng, tăng 31,8%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 125,4 tỷ đồng, tăng 6,6%.

Những tháng cuối năm, giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh tăng đột biến. Nguyên nhân do một số dự án công trình, dự án có tổng mức đầu tư lớn đang trong giai đoạn trải thảm nhựa mặt đường nên giá trị đạt cao; một số dự án thực hiện giải ngân nguồn vốn đền bù giải phóng mặt bằng...

Tính chung cả năm 2024, tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 7.296,3 tỷ đồng, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 4.537,7 tỷ đồng, chiếm 62,2% tổng vốn đầu tư, tăng 28,2% so với cùng kỳ;
- Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 2.476,1 tỷ đồng, chiếm 33,9% tổng vốn đầu tư, giảm 1,1% so với cùng kỳ;
- Vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 282,5 tỷ đồng, chiếm 3,9% tổng vốn đầu tư, giảm 21,8% so với cùng kỳ.



### 4.3. *Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn*

*Ước quý IV*, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 20.839 tỷ đồng, tăng 17,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn nhà nước trên địa bàn đạt 4.774 tỷ đồng, tăng 23,9%; vốn ngoài nhà nước đạt 10.772 tỷ đồng, tăng 5,8%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 5.293 tỷ đồng, tăng 40,3%.

**Bảng 3. Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn**

	Năm 2023	Năm 2024	$\frac{\text{Năm 2024}}{\text{Năm 2023}}$
	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(%)
<b>Tổng số</b>	<b>57.394</b>	<b>64.615</b>	<b>112,6</b>
Vốn nhà nước trên địa bàn	9.277	10.300	111,0
Vốn ngoài nhà nước	36.200	38.135	105,3
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	11.917	16.180	135,8

*Tính chung cả năm 2024*, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 64.615 tỷ đồng, tăng 12,6% so với năm trước. Trong đó, vốn nhà nước đạt 10.300 tỷ đồng, tăng 11,0%; vốn ngoài nhà nước đạt 38.135 tỷ đồng, tăng 5,3%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 16.180 tỷ đồng, tăng 35,8%.

Với những cố gắng nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị tỉnh Hải Dương đã tạo một môi trường thu hút đầu tư thông thoáng, cởi mở “Mở cửa chào đón các nhà đầu tư” của lãnh đạo tỉnh Hải Dương. Đặc biệt là tín hiệu tích cực trong thu hút đầu tư FDI tăng cao. Một số dự án lớn trên địa bàn tỉnh như: Trung tâm thương mại Hải Dương (TPHD); Trung tâm dịch vụ logistics, cảng xăng dầu và hàng hòa, kho xăng dầu, khu dịch vụ thương mại tại xã Minh Hòa (Kinh Môn); Trung tâm logistics, cảng thủy nội địa Ninh Giang tại xã Hồng Phúc, Kiến Quốc (Ninh Giang); Bệnh viện quốc tế Green tại xã Liên Hồng (TPHD); Sân golf Kinh Môn tại xã Hiệp Hòa (Kinh Môn). Hướng dẫn nghiên cứu, khảo sát thực hiện dự án: Sân golf ven sông Sắt (phía Nam cầu Lộ Cương) tại xã Liên Hồng (TPHD); Khu du lịch sinh thái hồ Thanh Long (Chí Linh).

## 5. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

### 5.1. *Thu hút đầu tư*

Năm 2024, Hải Dương đã huy động nhiều nguồn lực thực hiện các dự án, công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư. Bên cạnh các tuyến đường giao thông trọng điểm như các đường trục Bắc - Nam, Đông - Tây, đường dẫn cầu Đổng Việt, nút giao với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng..., tỉnh còn quan tâm phát triển nhà ở xã hội để bảo đảm nhu cầu về nơi ở cho chuyên gia, công nhân,

người lao động, tạo môi trường sống an lành, tiện nghi về dịch vụ, an toàn về an ninh. Cùng với đó, tỉnh tích cực thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo lao động phù hợp nhu cầu sử dụng để đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2024 ước đạt 64.615 tỷ đồng, tăng 12,6% so với năm 2023.

Các hoạt động xúc tiến đầu tư được tăng cường. Thu hút đầu tư trong nước được 217 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký 11.489 tỷ đồng, trong đó: chấp thuận chủ trương đầu tư mới cho 53 dự án (8.048 tỷ đồng), điều chỉnh tăng vốn 164 dự án (3.441 tỷ đồng); thông báo chấm dứt hoạt động 11 dự án.

Thu hút đầu tư FDI năm 2024 cao thứ 2 (sau năm 2023) trong hơn 10 năm gần đây báo hiệu khả năng tăng trưởng cao trong năm 2025. Tính đến ngày 25/12 đã thu hút được 747,2 triệu USD vốn đầu tư FDI, bằng 57,0% so với năm trước; trong đó cấp mới 70 dự án, tổng vốn 457,7 triệu USD; điều chỉnh 38 lượt dự án, tổng vốn tăng thêm 280 triệu USD. Các dự án cấp mới trong năm chủ yếu trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo đến từ nhà đầu tư Trung Quốc (31 dự án), Hồng Kong (17 dự án), Đài Loan (5 dự án). Lũy kế trên địa bàn tỉnh hiện có 605 dự án đầu tư nước ngoài đến từ 27 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đăng ký 11.278,5 triệu USD.

### 5.2. Tình hình phát triển doanh nghiệp

Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tập trung vào hỗ trợ đào tạo, tư vấn, thông tin, hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, nhằm giúp các doanh nghiệp từng bước phục hồi và tạo đà phát triển; phát triển mạnh kinh tế tư nhân thực sự là một động lực, tăng cường kết nối khu vực FDI với khu vực kinh tế trong nước.

Ước cả năm 2024, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành lập mới 2.000 doanh nghiệp, tăng 6,2% so với thực hiện năm 2023 (*không đạt mục tiêu tăng 15%*), với tổng vốn đăng ký khoảng 30.400 tỷ đồng; trong năm, có khoảng 750 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, bằng 89,1% so với năm 2023 và khoảng 2.030 doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động, tăng 15,2%. Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã tiếp tục phát triển, phát huy vai trò liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, tạo chuỗi giá trị bền vững.

## 6. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2024 cơ bản thuận lợi, một số ngành có kết quả sản xuất đạt khá cao so với năm 2023. Diễn biến thời tiết đan xen, song cơ bản thuận lợi cho cây trồng, vật nuôi sinh trưởng và phát triển. Vụ Đông xuân thời tiết tương đối thuận lợi cho cây trồng chính sinh trưởng, phát triển nên hầu hết cây trồng cho năng suất, sản lượng tăng so với năm 2023; riêng vụ Mùa năm 2024 do ảnh hưởng của bão số 3 Yagi hồi đầu tháng 9 nên năng suất và sản lượng giảm sâu cùng kỳ.

### 6.1. Trồng trọt

#### - Cây hàng năm

Diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 149.881 ha, giảm 0,3% (-417 ha) so với năm trước. Trong đó, vụ đông xuân đạt 86.406 ha, giảm 0,1% (-61 ha) so với cùng kỳ năm trước (vụ đông tăng 385 ha, vụ chiêm xuân giảm 446 ha); vụ mùa đạt 63.475 ha giảm 0,6% (-356 ha).

Trong tổng diện tích gieo trồng, diện tích vụ đông đạt 22.390 ha, chiếm 14,9%; vụ chiêm xuân 64.016 ha, chiếm 42,7%; vụ mùa 63.475 ha, chiếm 42,4%.

**Bảng 4. Diện tích gieo trồng cây hàng năm**

	<i>DVT: Ha</i>			
	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2024 với 2023	
			(+/-)	(%)
<b>Tổng diện tích gieo trồng</b>	<b>150.298</b>	<b>149.881</b>	<b>-417</b>	<b>99,7</b>
Vụ đông	22.005	22.390	385	101,7
Vụ chiêm xuân	64.462	64.016	-446	99,3
Vụ mùa	63.831	63.475	-356	99,4

Lúa là cây trồng chính trong nhóm cây hàng năm, diện tích lúa đạt 107.318 ha, chiếm 71,6% tổng diện tích gieo trồng; giảm 0,9% (-1.007 ha). Cơ cấu giống lúa có sự chuyển dịch tích cực tăng diện tích lúa chất lượng cho hiệu quả kinh tế cao. Năng suất lúa bình quân cả năm ước đạt 60,59 tạ/ha, giảm 3,5% (-2,18 tạ/ha); Sản lượng lúa ước đạt 644.634 tấn, giảm 5,2% (-35.343 tấn) so với năm trước, do diện tích và năng suất (do ảnh hưởng cơn bão số 3) đều giảm.

Diện tích rau các loại 31.635 ha, chiếm 21,1%, tăng 1,47% (+457 ha), trong đó cải các loại 3.516 ha, tăng 0,3% (+10 ha), hành hoa, hành củ 6.508 ha, tăng 5,1% (314 ha)... so với năm trước.

Năng suất rau các loại bình quân đạt 260,78 tạ/ha, giảm 0,5% (-1,22 tạ/ha) so với năm trước; trong đó, cải các loại 244,3 tạ/ha (-0,6 tạ/ha), bắp cải 471,3 tạ/ha (+14,1 tạ/ha), dưa hấu 277,3 tạ/ha (-2,3 tạ/ha), dưa chuột 300,1 tạ/ha (-5,5 tạ/ha),...

Sản lượng rau các loại ước đạt 824.974 tấn, tăng 0,99% (+8.105 tấn); tăng chủ yếu do vụ Đông xuân năm 2024 thời tiết khá thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển.

#### - Cây lâu năm

Tổng diện tích trồng cây lâu năm toàn tỉnh năm 2024 đạt 22.741 ha, tăng 0,24% (+54 ha) so với cùng kỳ năm trước; trong đó, diện tích trồng cây ăn quả đạt 21.774 ha, chiếm 95,75% tổng diện tích cây lâu năm toàn tỉnh; diện tích cây lâu năm khác đạt 658 ha, chiếm 2,89%, các cây lâu năm còn lại là cây lấy dầu, diện tích cây gia vị, dược liệu và cây chè búp chiếm tỷ trọng nhỏ.

Mặc dù chịu ảnh hưởng của cơn bão số 3, một số cây ăn quả bị ảnh hưởng lớn như cây chuối, ổi, mít, thanh long... nhưng hầu hết diện tích cây lâu năm bị gãy đổ đã được trồng lại.

Cây vải là cây lâu năm trọng điểm của tỉnh, diện tích trồng cây vải hiện có là 8.820 ha, giảm 0,44% (-39 ha) so với năm trước. Nguyên nhân diện tích trồng vải giảm là do ở một số huyện có diện tích vải già cỗi, không mang lại hiệu quả kinh tế đã được người dân thay thế bằng các loại cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn như: Chuối, ổi, mít,... Sản lượng vải sơ bộ năm 2024 giảm mạnh do diễn biến thời tiết ở giai đoạn cây vải phân hóa mầm hoa và ra hoa không thuận lợi, nắng ấm kéo dài (trên 16°C) và ít mưa nên tỷ lệ ra hoa, đậu quả thấp hơn cùng kỳ. Sản lượng ước đạt 35.680 tấn, giảm 37,98% (-21.850 tấn) so cùng kỳ năm trước.

Sơ bộ năm 2024, sản lượng một số cây ăn quả tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: xoài 3.850 tấn, tăng 4,34%; na 17.500 tấn, tăng 3,15%; dứa 3.050 tấn, tăng 1,8%... Một số loại cây trồng có sản lượng giảm so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của bão số 3 như: chuối giảm 11,57% (-8.589 tấn); hồng xiêm giảm 13,47% (-394 tấn); thanh long giảm 6,36 tấn (-366 tấn); đu đủ giảm 10,04 % (-443 tấn); mít giảm 10,08% (-667 tấn); ổi giảm 4,09% (-3.420 tấn); cam giảm 3,97% (-374 tấn); bưởi giảm 10,56% (-1.488 tấn); táo giảm 10,41% (-312 tấn);...

## 6.2. Chăn nuôi

Năm 2024, chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển, tăng trưởng khá, là động lực chủ yếu trong tăng trưởng lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản. Chăn nuôi trên địa bàn tỉnh phát triển khá toàn diện, đã hình thành nhiều cơ sở chăn nuôi theo hình thức công nghiệp hiện đại, trang trại qui mô lớn; chăn nuôi khép kín áp dụng các tiên bộ kỹ thuật trong vận hành, quản lý đàn vật nuôi; các mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất thức ăn dạng lỏng cho lợn; mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học và bảo vệ môi trường... Giá bán sản phẩm đầu ra duy trì ổn định ở mức cao, người chăn nuôi mạnh dạn đầu tư mở rộng qui mô chăn nuôi nên số lượng, sản lượng các loại vật nuôi tăng cao so với năm trước.

Thời điểm 31/12/2024, đàn trâu ước 5.400 con, tăng 0,8%; sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 902 tấn, tăng 1,1%. Đàn bò ước đạt 14.100 con, tăng 1,4% so với cùng kỳ; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng ước đạt 1.726 tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ. Tổng đàn lợn thịt ước đạt 316.000 con, tăng 5,8%; số con lợn thịt xuất chuồng ước đạt 685.800 con, tăng 6,3%, sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt

72.661 tấn, tăng 7,2% so với năm trước. Tổng đàn gia cầm toàn tỉnh ước đạt 17.493 nghìn con tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, đàn gà ước đạt 13.040 nghìn con, tăng 4,3%. Sản lượng thịt gia cầm gồm (gà, vịt, ngan, ngỗng và gia cầm khác) năm 2024 ước đạt 76.768 tấn, tăng 7,4%; sản lượng trứng gia cầm (bao gồm cả trứng chim cút) ước đạt 645.317 nghìn quả, tăng 5,2% (+31.870 nghìn quả) so với cùng kỳ năm trước.

**Bảng 5. Một số chỉ tiêu về tình hình chăn nuôi năm 2023-2024**

	ĐVT	31/12/2023	Ước	31/12/2024
			31/12/2024	31/12/2023 (%)
Trâu	Con	5.357	5.400	100,8
Bò	Con	13.909	14.100	101,4
Đàn lợn thịt	Con	298.768	316.000	105,8
Gia cầm	1000 Con	16.803	17.493	104,1
<i>Tr. đò: Gà</i>	“	12.504	13.040	104,3

### 6.3. Sản xuất lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới trong năm ước đạt 230 ha, giảm 8% (-20 ha) so với cùng kỳ năm trước. Diện tích rừng được giao khoán bảo vệ ước đạt 5.930 ha, chủ yếu là diện tích rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

Trong năm, toàn tỉnh trồng mới được 510 nghìn cây phân tán, tăng 2,4% (+12 nghìn cây). Tổng số cây ươm giống lâm nghiệp ước đạt 148 ngàn cây cao hơn so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu ở khu vực hộ cá thể. Tổng sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng và cây lâm nghiệp trồng phân tán trong năm ước đạt 17.730 m<sup>3</sup>, tăng 30,6% (+4.150 m<sup>3</sup>). Sản lượng khai thác củi ước đạt 90.500 ster, tăng 40,0% (+25.850 ster) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân sản lượng gỗ củi tăng chủ yếu là do ảnh hưởng của bão số 3, tổng diện tích rừng bị thiệt hại là 3.294,08 ha nên lượng gỗ, củi khai thác tăng đột biến.

### 6.4. Sản xuất thủy sản

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Ngành thủy sản có mức tăng khá, giá trị sản xuất tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng thủy sản năm 2024 ước đạt 113.679 tấn, tăng 7,0% (+7.449 tấn) so với năm trước; trong đó, thủy sản nuôi trồng đạt 110.922 tấn, tăng 6,7% (+6.966 tấn); thủy sản khai thác đạt 2.757 tấn, tăng 21,2% (+483 tấn). Sản lượng cá lồng ước

đạt 25.486 tấn chiếm 23,0% tổng sản lượng cá nuôi trồng, tăng 4,2% (+1.025 tấn) so với cùng kỳ năm 2023.

Sản lượng khai thác thủy sản tăng chủ yếu là do sau bão số 3 một số ao nuôi cá bị “tràn bờ” nên nhiều thủy sản nuôi trồng vượt ra sông, hồ, ao làm tăng sản lượng đánh bắt. Bên cạnh đó trong quý IV sản lượng thủy sản khai thác khác như rươi, cáy, cà ra (thu hoạch từ cuối tháng 10 đến đầu tháng 12) đều tăng cao, do mô hình trồng lúa hữu cơ kết hợp với khai thác rươi, cáy trong nội đồng mang lại hiệu cao được nhân rộng.

## 7. Sản xuất công nghiệp

Năm 2024, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do biến động tình hình trong nước, quốc tế và ảnh hưởng của thiên tai, nhưng với nền tảng vĩ mô ổn định, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, các biện pháp đồng bộ nhằm hỗ trợ sản xuất trong nước, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu được triển khai mạnh mẽ, song song với đó là sự nỗ lực, cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân trong tỉnh, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương tiếp tục phục hồi nhanh, là động lực dẫn dắt cho tăng trưởng chung toàn tỉnh. Các ngành sản xuất quan trọng như sản xuất thức ăn chăn nuôi, may mặc, sản xuất kim loại, điện, điện tử, bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ (chiếm 65% giá trị sản xuất công nghiệp) đều duy trì được mức tăng trưởng tốt.

**Bảng 6. Tốc độ tăng tổng sản phẩm nhóm ngành Công nghiệp và đóng góp của từng ngành năm 2024**

	Tốc độ tăng ngành Công nghiệp (%)	Đóng góp vào tăng trưởng GRDP chung (điểm%)
<b>Công nghiệp</b>	<b>13,41</b>	<b>6,67</b>
CN khai khoáng	4,23	0,003
CN chế biến, chế tạo	14,17	5,88
SX và PP điện, hơi nước	9,47	0,73
Cung cấp nước và hoạt động quản lý rác thải	11,68	0,07

Trong khu vực công nghiệp, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn và tăng trưởng cao với mức tăng 14,17%, đóng góp 5,88 điểm% vào tăng trưởng chung GRDP.

### 7.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp

*Ước tháng 12*, chỉ số sản xuất công nghiệp của tỉnh bằng 101,2% so với tháng trước và bằng 116,8% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ, ngành khai khoáng bằng 88,5%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bằng 117,9%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hoà bằng 109,4%; ngành cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải bằng 106,4%.

*Ước tính quý IV*, chỉ số sản xuất công nghiệp bằng 116,3% so với cùng kỳ. Đây là quý đây là quý có mức tăng trưởng cao nhất trong năm. Một số ngành có chỉ số tăng cao phải kể đến như: Sản xuất kim loại (+38,7); sản xuất thiết bị điện (+46,5%); sản xuất máy móc, thiết bị (+46,7%); sản xuất than cốc (+22,2%)...

**Bảng 7. Chỉ số sản xuất công nghiệp**

	<u>Năm 2023</u> <u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2024</u> <u>Năm 2023</u>
<b>Chung</b>	<b>108,4</b>	<b>114,2</b>
Khai khoáng	50,1	97,3
Công nghiệp chế biến, chế tạo	107,5	115,0
SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng	116,1	109,1
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải	107,0	108,3

*Tính chung cả năm 2024*, sản xuất công nghiệp của tỉnh bằng 114,2% so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành có tỷ trọng lớn, sản lượng sản xuất tăng cao, tác động nhiều đến chỉ số chung của toàn ngành như sau:

- Ngành sản xuất các sản phẩm điện tử tăng 12,7%, tác động làm chỉ số chung tăng 2,9 điểm%; ngành sản xuất thiết bị điện tăng 43,1%, làm chỉ số chung tăng 1,5 điểm%. Với việc thế giới đang chuyển đổi sang kỷ nguyên số, các sản phẩm điện, điện tử ngày càng được sử dụng rộng rãi; nhu cầu về các thiết bị này đã tạo động lực tăng trưởng xuất khẩu cho các doanh nghiệp trong ngành.

- Ngành sản xuất xe có động cơ (chủ yếu là sản xuất bộ phận phụ trợ) tăng 13,3%, tác động làm chỉ số chung tăng 3,0 điểm%. Với sản phẩm xe có động cơ, sau những tháng đầu năm sản lượng sản xuất giảm sâu thì từ quý 3, sản lượng xe lắp ráp đã có sự phục hồi trở lại.

- Nhóm ngành dệt, may mặc lần lượt tăng 22,1% và 13,3%, tác động làm chỉ số chung tăng 1,1 điểm%. Chỉ số tồn kho tại các thị trường chủ lực như Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản có xu hướng giảm dần so với cùng kỳ năm trước, cộng với sức mua có xu hướng tăng đã tạo nên sự phục hồi nhu cầu đặt hàng từ các đối tác.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong ngành còn được hưởng lợi từ việc chuyển dịch đơn hàng từ các nước như Trung Quốc, Bangladesh, Myanmar sang Việt Nam.

- Ngành sản xuất kim loại tăng 18,0%, làm chỉ số chung tăng 1,0 điểm%. Nguyên nhân một phần là do năm 2024, Công ty CP Thép Hòa Phát đã sửa chữa xong và đưa 1 lò cao vào hoạt động trở lại. Đồng thời sức tiêu thụ các sản phẩm kim loại trên thị trường từ cuối quý II trở lại đây cũng đã được cải thiện đáng kể.

- Ngành sản xuất, chế biến thực phẩm (trong đó sản phẩm chính là sản xuất thức ăn chăn nuôi) tăng 11,8%, tác động làm chỉ số chung tăng 0,7 điểm%. Với việc giá nguyên liệu xuống thấp trong khi giá đầu ra ổn định, nhiều cơ sở chăn nuôi đẩy mạnh tái đàn, nhằm đáp ứng cho nhu cầu thị trường dịp cuối năm đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi phát triển.

- Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,1% làm chỉ số chung toàn ngành công nghiệp tăng 0,8 điểm%, trong đó điện sản xuất tăng 8,5%.

Bên cạnh đó, một số ngành gặp khó khăn do nhu cầu thị trường phục hồi chậm, sản lượng sản xuất giảm so với cùng kỳ, làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành đó là:

- Ngành sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại (xi măng, gạch ngói), giảm 5,0%, làm chỉ số chung giảm 0,1 điểm%. Từ đầu năm đến nay, do ảnh hưởng của thị trường bất động sản nên nhu cầu đối với các loại vật liệu xây dựng chững lại. Trong khi nguồn cung dư thừa, thị trường xuất khẩu khó khăn dẫn tới hầu hết các doanh nghiệp sản xuất xi măng, gạch, ngói trên địa bàn tỉnh phải ngừng lò, giảm công suất và cắt giảm lao động.

- Ngành khai khoáng, giảm 2,7%, làm chỉ số chung giảm 0,01 điểm%. Hiện nay, một số vùng khai thác đã hết hạn, một số doanh nghiệp trong ngành phải tạm ngừng hoặc chuyển sang ngành hoạt động khác. Thời gian qua, UBND tỉnh đã cho đấu thầu khai thác một số mỏ đá làm vật liệu xây dựng, tuy nhiên hầu hết các gói thầu này đang trong giai đoạn thẩm định, thăm dò, chưa có sản phẩm khai thác.

## 7.2. Chỉ số sử dụng lao động

Tình hình sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 31/12/2024 dự ước tăng 0,4% so với tháng trước, tăng 2,0% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung cả năm 2024, lao động trong ngành tăng 3,2% so với cùng kỳ; trong đó, một số ngành sử dụng nhiều lao động như may mặc, giày dép, điện tử, ô tô và bộ phận phụ trợ đều có số lượng lao động tăng, cụ thể: Sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 3,9%; dệt tăng 6,0%; sản xuất trang phục tăng 4,6%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 6,9%; sản xuất cao su và plastic tăng 4,2%; sản xuất sản phẩm điện tử tăng 3,1%; sản xuất thiết bị điện tăng 5,9%; sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 14,7%; sản xuất xe có động cơ tăng 2,0%...



Các ngành có số lượng lao động giảm so với cùng kỳ năm trước là: Khai khoáng khác giảm 5,5%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 7,1%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị giảm 1,16%.

## **8. Thương mại, giá cả, dịch vụ**

Các hoạt động thương mại, dịch vụ và vận tải trên địa bàn tỉnh diễn ra khá sôi động để chuẩn bị phục vụ cho nhu cầu tăng cao vào dịp cuối năm (nhất là khi Nghị định số 128 về hoạt động xúc tiến thương mại có hiệu lực từ ngày 01/12/2024) và chào mừng năm mới 2025, nhu cầu tiêu dùng lương thực, thực phẩm, các vật phẩm văn hóa, giáo dục và dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tiếp tục duy trì xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước. Nguồn cung hàng hóa cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động lớn về cung, cầu mặc dù chịu ảnh hưởng từ các yếu tố như giá nguyên liệu trên thị trường thế giới, dịch bệnh, mùa vụ... nhưng cơ bản cung cầu các mặt hàng được bảo đảm, giá có sự tăng, giảm đan xen đối với từng nhóm hàng.

Doanh thu bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng tháng 12 ước đạt 9.491 tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý IV, doanh thu bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng đạt 27.796 tỷ đồng, tăng 8,4% so với quý III và tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước.

Cả năm 2024, doanh thu bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng đạt 101.934 tỷ đồng, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước.

### *8.1. Doanh thu bán lẻ hàng hoá*

Doanh thu bán lẻ hàng hoá tháng 12 ước đạt 7.792 tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 12 tháng ước đạt 83.323 tỷ đồng, tăng 14,8%. Phân theo mặt hàng: Nhóm lương thực, thực phẩm đạt 31.298 tỷ đồng, tăng 17,5%, là nhóm chiếm tỷ trọng lớn nhất với 37,6%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt 9.747 tỷ đồng, tăng 14,3%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng đạt 9.470 tỷ đồng, tăng 12,9%.

### *8.2. Doanh thu dịch vụ tiêu dùng*

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng 12 ước đạt 1.699 tỷ đồng, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 9,3% so với cùng kỳ.

Tính chung 12 tháng ước đạt 18.611 tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ. Phân theo ngành kinh tế, dịch vụ lưu trú đạt 309 tỷ đồng, tăng 10,8%; dịch vụ ăn uống đạt 6.754 tỷ đồng, tăng 15,1%; dịch vụ khác đạt 11.383 tỷ đồng, tăng 9,3%.

### *8.3. Vận tải*

Doanh thu vận tải, kho bãi và hỗ trợ vận tải tháng 12 ước đạt 1.569 tỷ đồng, tăng 3,3% so với tháng trước, tăng 16,5% so với cùng kỳ; trong đó, vận tải hành

khách đạt 220 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 3,3%, so với cùng kỳ tăng 17,6%; vận tải hàng hoá đạt 951 tỷ đồng, tăng 3,2% so với tháng trước và tăng 16,9% so với cùng kỳ; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 381 tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 14,3% so với cùng kỳ.

Tính chung 12 tháng, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 16.193 tỷ đồng, tăng 14,9% so với cùng kỳ; trong đó, vận tải hành khách đạt 2.418 tỷ đồng, tăng 15,5%; vận tải hàng hoá đạt 9.709 tỷ đồng, tăng 13,4%; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 3.888 tỷ đồng, tăng 18,5%.

## **9. Hoạt động xuất, nhập khẩu**

Giá trị hàng hóa xuất khẩu ước đạt 10.350 triệu USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn, có mức tăng cao như: Nông sản sơ chế, thực phẩm tăng 17,6%; dây điện và cáp điện tăng 16,8%; sản phẩm plastic tăng 15,8%; linh kiện điện tử và máy văn phòng tăng 8,4%; chỉ có đá quý và kim loại quý giảm 8,9%.

Giá trị hàng hóa nhập khẩu ước đạt 8.418 triệu USD tăng 12,0% so với cùng kỳ năm trước. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên phụ liệu cho sản xuất như: Dây điện và cáp điện tăng 28,0%; vải và nguyên phụ liệu may mặc tăng 9,6%; nguyên phụ liệu da giày tăng 9,0%; chỉ có đá quý và kim loại quý giảm 8,3%.

## **II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **1. Văn hóa, thể thao**

Năm 2024, hoạt động văn hóa, thể thao và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đạt kết quả tích cực.

#### *- Văn hóa:*

Năm 2024, Hải Dương đã tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và các nhiệm vụ chính trị của tỉnh với nhiều hình thức đa dạng, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Tổ chức một số sự kiện văn hóa, thể thao tiêu biểu như: Lễ hội mùa Xuân, mùa Thu Côn Sơn - Kiếp Bạc và các hoạt động tại Tuần Văn hóa ẩm thực, Du lịch và Xúc tiến thương mại năm 2024 gắn với công bố quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận “Bộ tượng Tam Thế Phật chùa Côn Sơn” là bảo vật quốc gia; giải Việt dã “Hành trình kết nối di sản văn hóa” lần đầu tiên được tổ chức tại tỉnh; một số hoạt động phục vụ Lễ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh đồng chí Nguyễn Lương Bằng; các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ; trưng bày triển lãm “Tinh hoa cổ vật Xứ Đông - Hải Dương lần thứ I và công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia Chum gốm hoa nâu Hiệp An thời Trần”,...

Tổ chức một số cuộc thi sáng tác tranh, ảnh nghệ thuật, kịch bản và liên hoan, hội thi, hội diễn với nhiều hoạt động sôi nổi như : Cuộc thi sáng tác tranh cổ động; ảnh thời sự - nghệ thuật tỉnh Hải Dương; Hội thi bánh chưng, bánh giày; Liên hoan Ca múa nhạc không chuyên tỉnh Hải Dương năm 2024; chương trình biểu diễn nghệ thuật phục vụ công nhân, người lao động trong doanh nghiệp... Xây dựng các chương trình văn nghệ, ra mắt vở mới, biểu diễn, chiếu phim lưu động phục vụ các nhiệm vụ chính trị của tỉnh và nhân dân; tham gia các liên hoan, hội thi toàn quốc đạt giải cao.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá tiếp tục được quan tâm, Năm 2024 đã khảo sát, lựa chọn 09 di tích đủ điều kiện, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng cấp tỉnh và xây dựng hồ sơ trích ngang 02 di tích đề nghị xếp hạng cấp quốc gia. Hoàn thành, nghiệm thu và bàn giao bức phù điêu tại Nhà tưởng niệm đồng chí Nguyễn Lương Bằng. Phối hợp với 02 tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang bổ sung, hoàn thiện Hồ sơ đề cử Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc trình UNESCO công nhận là di sản thế giới đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng. Tiếp tục tu bổ, phục hồi, nâng cấp và từng bước hoàn thiện hạ tầng Khu di tích quốc gia đặc biệt Côn Sơn - Kiếp Bạc gắn với khai thác, phát triển du lịch.

- *Thể thao*: Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng được tổ chức sôi nổi, rộng khắp; thể thao thành tích cao tiếp tục giành nhiều huy chương tại các giải vô địch, giải trẻ quốc gia và quốc tế, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đăng cai tổ chức 4 giải thể thao quốc gia; chủ trì, phối hợp tổ chức 26 giải thể thao cấp tỉnh và liên ngành nhằm đẩy mạnh phong trào thể thao trên địa bàn tỉnh. Các đội tuyển thi đấu các giải thể thao quốc gia và quốc tế, đạt 164 HCV, 138 HCB, 189 HCD.

## 2. Y tế

Năm 2024, Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở được tập trung đầu tư. Chú trọng ban hành các chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút, đãi ngộ nguồn nhân lực y tế, tập trung vào đội ngũ bác sĩ, các ngành khó tuyển và y tế cơ sở.

Hoạt động khám chữa bệnh, y tế dự phòng, y tế cơ sở được đặc biệt chú trọng trên cơ sở duy trì triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế- dân số. Bước đầu triển khai phần mềm Bệnh án điện tử và phần mềm lưu trữ truyền tải hình ảnh (PACS), ứng dụng Kiosk tự phục vụ và đăng ký khám chữa bệnh từ xa tại một số cơ sở y tế; 100% cơ sở khám chữa bệnh đã kết nối, liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Công tác phòng, chống dịch bệnh, quản lý các bệnh không lây nhiễm đã đi vào chiều sâu; chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các trạm y tế tuyến xã được nâng cao; lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm cho người dân được đảm bảo, hạn chế,

không để xảy ra ngộ độc thực phẩm tập thể.

Thường xuyên chuyển giao kỹ thuật để nâng cao năng lực điều trị cho các tuyến giúp người dân có cơ hội thuận lợi tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; các chỉ tiêu về sức khỏe không ngừng tăng lên, nhiều chỉ số cao hơn so với mặt bằng chung toàn quốc. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 93,75% (đạt mục tiêu 93,75%); đạt 12 bác sĩ trên 01 vạn dân (vượt mục tiêu 9,8 bác sĩ) và 33,3 giường bệnh trên 01 vạn dân (vượt mục tiêu 32,7 giường).

Nâng cao năng lực khám chữa bệnh cho đội ngũ y, bác sĩ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho trẻ em.

### **3. Giáo dục**

Năm 2024, Ngành giáo dục và đào tạo đã hoàn thành chương trình năm học 2023-2024 theo đúng kế hoạch, chất lượng học sinh đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định. Tổ chức Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT công lập đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế; thứ hạng điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT năm học 2024 có chuyển biến tích cực, Hải Dương nằm trong top 15 tỉnh có kết quả tốt nhất; thành tích học sinh giỏi quốc gia, luôn duy trì vị trí top đầu trên bảng xếp hạng toàn quốc.

Hoàn thành công tác lựa chọn sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, năm học 2024-2025 là năm đầu tiên giáo viên được quyền lựa chọn sách giáo khoa theo Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ GDĐT; biên soạn tài liệu giáo dục địa phương cho các lớp 1,2,3,4; 6,7,8; 10,11 đã được Bộ GDĐT phê duyệt; các lớp 5,9,12 đang trong quá trình phê duyệt.

Công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ được triển khai thực hiện nghiêm túc; việc đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng phát triển năng lực học sinh, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống được triển khai hiệu quả. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm đầu tư, cơ bản hoàn thành mục tiêu đề ra.

### **4. Lao động, việc làm, đời sống dân cư và đảm bảo an sinh xã hội**

Kinh tế - xã hội phát triển mạnh mẽ đã thúc đẩy nhu cầu sử dụng lao động trong các doanh nghiệp tăng lên, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp và dịch vụ. Cùng với sự phát triển đó, tỉnh đã tổ chức, triển khai nhiều hoạt động kết nối cung cầu lao động. Từ đầu năm đến nay, các đơn vị đã tổ chức trên 100 phiên giao dịch việc làm để cung cấp thông tin thị trường việc làm cho người lao động, hỗ trợ nguồn lao động cho các doanh nghiệp trên địa bàn, tư vấn việc làm, học nghề và pháp luật lao động cho gần 25.000 lao động. Các cơ sở giáo dục, dạy nghề trong tỉnh cũng đẩy mạnh các giải pháp để nâng cao chỉ số đào tạo lao động là: giáo dục dạy nghề, đào tạo

nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động của doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh.

*Giải quyết việc làm:* Hải Dương là tỉnh có nguồn lao động dồi dào, đa số là lao động trẻ, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ ước đạt 33,5%. Nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng từ đầu năm, tăng hơn so với 2 năm 2023 và chủ yếu tập trung lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ (lao động trong ngành công nghiệp năm 2024 tăng 3,2% so với cùng kỳ). Nguyên nhân là do thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng và cải thiện, số lượng đơn hàng dịp cuối năm tại các doanh nghiệp gia tăng, doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ sản xuất để phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng nên nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tăng theo. Nhu cầu tuyển dụng tập trung chủ yếu ở lĩnh vực sản xuất, chế biến thực phẩm, dệt may, da giày, cao su và plastic, giấy và các sản phẩm từ giấy, điện tử, máy móc thiết bị...

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh năm 2024 các ngành chức năng đã tổ chức tư vấn việc làm, tư vấn học nghề và tư vấn pháp luật lao động cho 24.097 lượt lao động; giới thiệu việc làm cho 6.484 người và tư vấn giới thiệu việc làm cho 23.818 lượt lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp. Phối hợp cho vay từ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm cho 8.289 lao động.

Công tác quản lý, giám sát đối với hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh thực hiện (Từ đầu năm đến nay, số lao động Hải Dương đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 8.837 người, đạt 196% so với chỉ tiêu kế hoạch năm, tập trung chủ yếu vào thị trường Đài Loan, Nhật Bản và Hàn Quốc (*trong đó: Đài Loan 4.740 người; Nhật Bản 3.328 người; Hàn Quốc 275 người; thị trường khác là 494 người*), tiếp tục tăng cường công tác quản lý lao động là người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh.

*Đảm bảo an sinh xã hội:* Thực hiện tốt chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công, thân nhân người có công với cách mạng; thăm tặng quà các gia đình chính sách tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và kỉ niệm 77 năm ngày TBLS 27/7/2024; hoàn thiện bổ sung các chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng tại địa phương. Hỗ trợ kinh phí về nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1,37% năm 2023 dự kiến xuống còn 1,2% năm 2024. Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội và công tác người cao tuổi được quan tâm thực hiện, tăng dần mức trợ cấp xã hội và mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách bảo trợ xã hội, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng yếu thế trong xã hội được trợ giúp thường xuyên (*mức chuẩn trợ giúp xã hội tăng cao hơn*

50.000 đồng/tháng so với quy định của Chính phủ; chính sách hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh).

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, phòng chống mua bán người, đặc biệt là công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy được tập trung thực hiện.

## **5. Bảo vệ môi trường**

*Vi phạm tài nguyên, môi trường:* Tháng 12, trên địa bàn tỉnh phát hiện và xử lý 02 vụ vi phạm môi trường; tổng số tiền xử phạt là 06 triệu đồng.

Tính chung năm 2024, cơ quan chức năng đã phát hiện và xử lý 460 vụ vi phạm môi trường (trong đó: 347 vụ vi phạm môi trường, 46 vụ vi phạm tài nguyên, 67 vụ vi phạm an toàn thực phẩm), tổng số tiền xử phạt là 4.791,7 triệu đồng.

*Tình hình thiên tai:* Trong tháng trên địa bàn tỉnh không phát sinh thiên tai.

Tính chung năm 2024, toàn tỉnh xảy ra 01 vụ thiệt hại do thiên tai gây ra (siêu bão Yagi-con bão số 03), làm 12 người chết, 37 người bị thương; tổng thiệt hại về tài sản ước tính 1.624 tỷ đồng.

## **6. Trật tự an toàn xã hội**

*Trật tự an toàn Xã hội:* Công tác phòng, chống tội phạm về trật tự xã hội và tệ nạn xã hội được triển khai quyết liệt, bài bản, kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa nghiệp vụ và phòng ngừa xã hội, lấy địa bàn cơ sở là trọng tâm, đánh nhanh, đánh mạnh, đánh trúng các loại tội phạm. Tiếp tục thực hiện các biện pháp đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng và chức vụ, ma túy, môi trường. Thực hiện quyết liệt các giải pháp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải.

Triển khai Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở. UBND tỉnh ban hành 13 văn bản thực hiện Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thu nhận hồ sơ đảm bảo 100% người dân trong độ tuổi được cấp căn cước công dân gắn chip điện tử; đảm bảo dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống”.

*Về tai nạn cháy, nổ:* Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy nhà dân tại thôn Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, vụ cháy không gây thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 2 triệu đồng.

Tính chung năm 2024, trên địa bàn tỉnh xảy ra 24 vụ cháy, nổ làm chết 03 người, bị thương 08 người, thiệt hại ước tính khoảng 4.500 triệu đồng.

*Về tai nạn giao thông:* Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 84 vụ tai nạn và va chạm giao thông, làm chết 24 người, làm 66 người bị thương, các vụ tai nạn và va chạm giao thông đều thuộc lĩnh vực giao thông đường bộ.

Tính chung năm 2024, trên địa bàn tỉnh xảy ra 713 vụ tai nạn và va chạm giao thông (296 vụ tai nạn giao thông và 417 vụ va chạm, ít nghiêm trọng), làm chết 232 người, làm bị thương 603 người; so với năm 2023, tăng 283 vụ (65,8%), tăng 20 người chết (9,4%) và tăng 317 người bị thương (110,8%).

***Nơi nhận:***

- TCTK (Vụ TKTH);
- VP Tỉnh Ủy, VP UBND tỉnh;
- Các sở: KHĐT, Công thương, NN&PTNT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Cục;
- Các đơn vị thuộc Cục;
- Lưu VT, TH.

**CỤC TRƯỞNG**

**Phạm Bá Dũng**